

Số: /TB-THPTVTS

Bình Thạnh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2022 – 2023

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2402	829	793	780
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2367 98.54%	811 97.83%	777 97.98%	799 99.87%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	34 1.42%	18 2.17%	15 1.89%	1 0.13%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.04%	0 0.00%	1 0.13%	0 0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực	2402	829	793	780
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1405 58.49%	485 58.50%	430 54.52%	490 62.82%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	877 36.93%	312 37.64%	300 37.83%	275 35.26%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	110 4.58%	32 3.86%	63 7.94%	15 1.92%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2402	829	793	780
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2402 100%	829 100%	793 100%	780 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1405 58.49%	485 58.50%	430 54.52%	490 62.82%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	877 36.93%	312 37.64%	300 37.83%	275 35.26%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	10/51	4/19	5/20	1/12

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	32	00	00	32
1	Cấp tỉnh/thành phố	32	Sở GD không tổ chức thi	00	32
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	780	/	/	780
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	779/780 99.87%	00	00	779/780 99.87%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp loại	00	00	Không xếp loại
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp loại	00	00	Không xếp loại
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp loại	00	00	Không xếp loại
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1133/1269	403/426	363/430	367/413
X	Số học sinh dân tộc thiểu số				

Nơi nhận:

- Đưa trang web trường (để công khai);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG